TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DSST
Ngày 14/10/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hà Giang

2. Ông Lê Thanh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 14/10/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLST-DS ngày 22/4/2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 29/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-DS ngày 19/9/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1); địa chỉ số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D là Chủ tịch Hội đồng quản trị V1.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Thế T; là chuyên viên xử lý nợ của V1; địa chỉ tầng 3, V1, số I Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình (văn bản uỷ quyền ngày 20/8/2025); có mặt.

Bị đơn: - Ông Nguyễn Thanh N sinh năm 1980, căn cước công dân số 0920800028xx cấp ngày 02/6/2017 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn C, xã K, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

- Bà Phạm Thị T1 sinh năm 1981, căn cước công dân số 0371810029xx nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ xóm A, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là thôn C, xã K, tỉnh Ninh Bình); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa ông T đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Về hợp đồng vay tài sản: Vợ chồng ông N bà T1 vay vốn tại V1 chi nhánh N1 - Phòng G, theo Hợp đồng cho vay số LN1806180737628 ngày 29/6/2018 và Khế ước nhận nợ số LN1806180737628 ký ngày 3/7/2018. Số tiền vay là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay là 48 tháng; mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô hiệu THACO HYUNDAI số máy D6CBA200614. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2018; lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5 %/năm (mức lãi suất cho vay điều chỉnh); lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 48 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N bà T1 đã trả cho V1 tổng số tiền là 103.248.835 đồng (trong đó trả nợ gốc là 67.185.626 đồng; trả nợ lãi là 36.063.209 đồng). Kể từ ngày 10/4/2019 vợ chồng ông N bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn và lãi suất chậm trả theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay.

Tính đến ngày 14/10/2025 vợ chồng ông N bà T1 còn nợ V1 gồm tiền gốc vay là 332.814.374 đồng, tiền lãi vay là 438.091.156 đồng, tiền lãi chậm trả là 48.868.336 đồng; tổng cộng là 819.773.867 đồng (tám trăm mười chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806180737628 đề ngày 29/6/2018 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông N và bà T1 với bên nhận thế chấp là V1 chi nhánh N1 - Phòng giao dịch Ý, theo đó vợ chồng ông N bà T1 có thế chấp tài sản quyền sở hữu/sử dụng của vợ chồng ông N bà T1 là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung OSAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N.

V1 yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc vợ chồng ông N bà T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ nêu trên, tính đến ngày 14/10/2025 gồm tiền nợ gốc là 332.814.374 đồng, tiền lãi vay là 438.091.156 đồng, tiền lãi chậm trả là 48.868.336 đồng; tổng cộng là 819.773.867 đồng (tám trăm mười chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

- Vợ chồng ông N bà T1 tiếp tục chịu tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến ngày vợ chồng ông N bà T1 thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

- Trường hợp vợ chồng ông N bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V1 có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu cơ quan Thi hành án cưỡng chế, kê biên, phát mại tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu/sử dụng của vợ chồng ông N bà T1 là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung OSAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N để thu hồi nợ cho V1.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nói trên không đủ thanh toán hết các khoản nợ V1, thì vợ chồng ông N bà T1 tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho V1 cho đến khi thanh toán xong nợ với V1.

Đối với bị đơn là vợ chồng ông N bà T1: Toà án đã giao, niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần đều hợp lệ, nhưng vợ chồng ông N bà T1 đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc; nên không có lời khai của vợ chồng ông N bà T1 trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự. Bị đơn trong vụ án không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 322 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1:

- Buộc vợ chồng ông N và bà T1 phải trả cho V1 gồm tiền gốc vay là 332.814.374 đồng, tiền lãi vay là 438.091.156 đồng, tiền lãi chậm trả là 48.868.336 đồng; tổng cộng là 819.773.867 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông N và bà T1 tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến khi vợ chồng ông N và bà T1 thanh toán xong khoản nợ gốc cho V1. Nếu vợ chồng ông N và bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên; vợ chồng ông N và bà T1 có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung OSAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N cho V1 để xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông N và bà T1 không thực hiện; V1 có quyền yêu cầu vợ chồng ông N và bà T1 giao tài sản thế chấp trên cho mình để xử lý khi vợ chồng ông N và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp vợ chồng ông N và bà T1 không thực

hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì V1 có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì anh N chị T1 phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho V1

- Về án phí và chi phí tố tụng: Buộc vợ chồng ông N bà T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và toàn bộ chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: V1 khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với vợ chồng ông N bà T1, việc khởi kiện của V1 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là vợ chồng ông N bà T1 cư trú tại xã K, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là vợ chồng ông N bà T1 vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là vợ chồng ông N bà T1.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về vay tài sản: Hợp đồng cho vay số LN1806180737628 ngày 29/6/2018 và Khế ước nhận nợ số LN1806180737628 ngày 3/7/2018 giữa V1 chi nhánh N1 - Phòng G với vợ chồng ông N bà T1; nội dung vợ chồng ông N bà T1 vay V1 chi nhánh N1 - Phòng G với số tiền vay là 400.000.000 đồng; thời hạn cho vay là 48 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày 03/7/2018 đến ngày 03/7/2022; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu THACO HYUNDAI. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2018; lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời diểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5 %/năm (mức lãi suất cho vay điều chỉnh); lãi suất bán vốn là mức Lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 48 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi

chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

Theo yêu cầu khởi kiện và lời khai của người đại diện cho V1 tại phiên toà, vợ chồng ông N bà T1 đã trả cho V1 tổng số tiền là 103.248.835 đồng (trong đó trả nợ gốc là 67.185.626 đồng; trả nợ lãi là 36.063.209 đồng). Tính đến ngày 14/10/2025 vợ chồng ông N bà T1 còn nợ V1 gồm số tiền gốc là 332.814.374 đồng, tiền lãi vay là 438.091.156 đồng, tiền lãi chậm trả là 48.868.336 đồng; tổng cộng là 819.773.867 đồng (tám trăm mười chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng).

2.2. Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1806180737628 đề ngày 29/6/2018 giữa bên thế chấp là vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 với bên nhận thế chấp là V1 chi nhánh N1 - Phòng giao dịch Ý, theo đó vợ chồng ông N bà T1 có thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của vợ chồng ông N bà T1 là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung OSAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N.

Tại biên bản không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được tài sản ngày 16/8/2023 và ngày 18/7/2025 của Toà án thể hiện "Vợ chồng anh N không có mặt tại địa phương, tại nhà anh N chị T1 tại xóm A, xã K không có xe ô tô nêu trên". Theo phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ đề ngày 24/8/2023 của Công an huyện Y nội dung "xe ô tô khách gường, số loại HUYNDAI số khung RNHB40SAKAC071918, số máy D6CBA200614, biển số 35B-011.99, chủ xe Nguyễn Thanh N; xe đang bị cầm cố thế chấp, có giấy của Ngân hàng". Nên có căn cứ xác định xe ô tô nêu trên là tài sản của vợ chồng ông N bà T1 và vợ chồng ông N bà T1 đã thế chấp cho V1 để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của mình theo Hợp đồng cho vay.

Đối với vợ chồng ông N bà T1, không đến Toà án làm việc theo giấy triệu tập của Toà án, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho mình; nên vợ chồng ông N bà T1 tự chịu trách nhiệm về nghĩa vụ chứng minh của mình đối với yêu cầu khởi kiện của V1.

Từ những phân tích nêu trên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của V1, buộc vợ chồng ông N bà T1 phải trả cho V1 tổng tiền gốc và tiền lãi chưa trả tính đến ngày 14/10/2025 (theo Hợp đồng cho vay) gồm tiền gốc vay là 332.814.374 đồng, tiền lãi vay là 438.091.156 đồng, tiền lãi chậm trả là 48.868.336 đồng). Vợ chồng ông N bà T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ cho đến ngày vợ chồng ông N bà T1 thực tế thanh toán hết nợ gốc cho V1. Nếu vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên, vợ chồng ông N bà T1 có nghĩa vụ giao toàn bộ số tài sản đã thế chấp của mình là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung RNHB40SAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N cho V1 để xử lý khi đến

hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông N bà T1 không thực hiện; V1 có quyền yêu cầu vợ chồng ông N bà T1 giao tài sản thế chấp trên cho V1 để xử lý khi vợ chồng ông N bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp vợ chồng ông N bà T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì V1 có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Vợ chồng ông N bà T1 phải trả cho V1 tổng số tiền là 819.773.867, nên phải chịu 36.593.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, theo danh sách chi phí tố tụng ngày 16/8/2023 và ngày 18/7/2025 tổng số tiền phí tố tụng là 2.000.000 đồng. Vợ chồng anh N chị T1 bị Toà án xét xử phải trả nợ cho V1, nên vợ chồng ông N bà T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên; do V1 đã nộp tạm ứng tiền chi phí tố tụng cho Toà án nên vợ chồng ông N bà T1 phải hoàn trả lại cho V1 số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng.

- H lại cho V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 1 và khoản 2 Điều 317, khoản 1 Điều 318, khoản 6 Điều 320, khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V, gồm:

- Tiền gốc vay là: 332.814.374 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu tám trăm mười bốn nghìn ba trăm bảy mươi tư đồng).

- Tiền lãi vay là: 438.091.156 (bốn trăm ba mươi tám triệu không trăm chín mươi mốt nghìn một trăm năm mươi sáu đồng).

- Tiền lãi chậm trả là: 48.868.336 đồng (bốn mươi tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LN1809280960297 và khế ước nhận nợ số LN1809280960297 đề ngày 05/10/2018 giữa V1 chi nhánh N1 - Phòng G với vợ chồng ông Nguyễn Thanh N

và bà Phạm Thị T1 cho đến khi vợ chồng ông N và bà T1 thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng thương mại cổ phần V.

Nếu vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên; vợ chồng ông N và bà T1 có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là xe ô tô nhãn hiệu THACO, số loại HUYNDAI, số khung RNHB40SAKAC071918, số máy D6CBA200614; biển số đăng ký 35B-011.99 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 017861 do Phòng C Công an tỉnh N cấp ngày 28/06/2018 ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh N cho Ngân hàng thương mại cổ phần V để xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà vợ chồng ông N và bà T1 không thực hiện; Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu vợ chồng ông N và bà T1 giao tài sản thế chấp trên cho mình để xử lý khi vợ chồng ông N và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ; trường hợp vợ chồng ông N và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 phải chịu 36.593.000 đồng (ba mươi sáu triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh N và bà Phạm Thị T1 phải chịu và hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tài sản thế chấp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 11/8/2023 và biên lai thu tiền tạm ứng chi phí tố tụng ngày 06/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Y; Ngân hàng thương mại cổ phần V đã nhận đủ số tiền hoàn lại tại biên lai hoàn trả ngày 10/10/2023 của Toà án nhân dân huyện Y và biên bản hoàn trả ngày 14/10/2025 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình.

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.500.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005709 ngày 04/7/2023 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Ninh Bình).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Lực